TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **363**/2022/DS-ST
Ngày: 31/8/2022
V/v tranh chấp: "Hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thủy Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ngọc Ánh;
2. Ông Nguyễn Hoa Kiều;

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Dương Kim Cương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 153/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp *"Hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 221/2022/QĐST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị B1, sinh năm 1954;

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

Đại diện ủy quyền: Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ liên hệ: số 107 ô 4, khu 1, thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Lê Thị Thu B2, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang

(Chị N có mặt, chị B2 có đơn đề nghị vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Lê Thị B1, có đại diện ủy quyền là chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:*

Bà Lê Thị B1 có bán vật tư nông nghiệp cho chị Lê Thị Thu B2 nhiều lần, hai bên không lập hợp đồng mà chỉ thỏa thuận miệng, phương thức thanh toán:

bà B1 giao phân thuốc cho chị Thu B2 trước, khi chị Thu B2 thu hoạch sẽ trả tiền cho bà B1. Đến ngày 15/6/2021 hai bên có chốt nợ thì chị Thu B2 còn nợ bà B1 số tiền 400.000.000 đồng, chị Thu B2 có viết và ký tên vào giấy chốt nợ, thỏa thuận lãi suất mỗi tháng là 1%. Cũng trong ngày 15/6/2021 chi Thu B2 có mua thêm phân thuốc của bà B1 với số tiền 13.000.000 đồng, chị Thu B2 tự viết giấy nợ cho bà B1 nhưng không ký tên. Hiện chị Thu B2 còn nợ bà B1 số tiền 413.000.000 đồng, bà B1 nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng chị Thu B2 không thực hiện.

Nay bà B1 khởi kiện yêu cầu chị Thu B2 trả cho bà B1 số tiền 413.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 15/6/2021 đến khi tòa án xét xử, tạm tính là 30.851.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Chị Lê Thị Thu B2 có tên thường gọi ở địa phương là Lượm, bà Lê Thị B1 có tên thường gọi ở địa phương là Ba Bê.

** Bị đơn chị Lê Thị Thu B2 trình bày:*

Chị có mua phân thuốc của bà B1. Đến ngày 15/6/2021 thì hai bên có chốt nợ là 400.000.000 đồng bao gồm cả vốn lẫn lãi, chị không nhớ rõ số vốn là bao nhiêu. Còn biên nhận nợ ngày 15/6/2021 với số tiền 13.000.000 đồng thì chị không biết. Do kinh tế khó khăn nên chị xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 400.000.000 đồng.

** Tại phiên tòa:* Đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 13.000.000 đồng. Cụ thể: bà B1 yêu cầu chị Thu B2 trả số tiền vốn là 400.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 15/6/2021 đến khi xét xử, làm tròn là 14 tháng, thành tiền 46.480.000 đồng, tổng cộng vốn lãi là 446.480.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Lê Thị B1 khởi kiện yêu cầu chị Lê Thị Thu B2 trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 400.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án;

Bị đơn chị Lê Thị Thu B2 cư trú tại ấp M, xã M, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn chị Lê Thị Thu B2 có đơn đề nghị vắng mặt ngày 17/8/2022 nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Thu B2.

[3] Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 13.000.000 đồng, chỉ yêu cầu chị Thu B2 trả số tiền nợ 400.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 15/6/2021 đến khi xét xử. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị B1 về việc yêu cầu chị Lê Thị Thu B2 trả số tiền mua vật tư nông nghiệp là 400.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Lê Thị B1 có bán vật tư nông nghiệp cho chị Lê Thị Thu B2 nhiều lần, hai bên không lập hợp đồng mà chỉ thỏa thuận miệng, phương thức thanh toán: bà B1 giao phân thuốc cho chị Thu B2 trước, khi chị Thu B2 thu hoạch sẽ trả tiền cho bà B1. Đến ngày 15/6/2021 hai bên có chốt nợ thì chị Thu B2 còn nợ bà B1 số tiền 400.000.000 đồng, chị Thu B2 có viết và ký tên vào giấy chốt nợ, thỏa thuận lãi suất mỗi tháng là 1%. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, phía nguyên đơn đã cung cấp một biên nhận nợ viết tay ngày 15/6/2021 với số tiền 400.000.000 đồng do chị Thu B2 viết và ký tên. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Thu B2 thừa nhận còn nợ bà B1 số tiền 400.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ xác định rằng chị Thu B2 còn nợ bà B1 số tiền 400.000.000 đồng nên cần buộc chị Thu B2 có nghĩa vụ trả số tiền trên cho bà B1.

[5] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị N yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 15/6/2021 đến khi xét xử, làm tròn là 14 tháng, thành tiền 46.480.000 đồng. Bị đơn chị Thu B2 xin không trả lãi do không có khả năng. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ tranh chấp là mua bán tài sản và khi giao dịch các bên không thỏa thuận thời hạn thanh toán tiền, do đó yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ. Lãi suất và thời hạn tính lãi của nguyên đơn phù hợp với Điều 440 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về thời hạn trả nợ: Bị đơn chị Thu B2 xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét thấy bị đơn đã vi phạm hợp đồng khi chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn và cũng không được phía nguyên đơn đồng ý cho trả dần. Do đó cần buộc chị Thu B2 có nghĩa vụ trả cho bà B1 tổng số tiền 446.480.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị Lê Thị Thu B2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 35, 39, 92, 147, 218, 220, 227, 228, 235, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy B2n thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B1 đối với số tiền 13.000.000 đồng.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Chấp nhận một phân yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B1.

Buộc chị Lê Thị Thu B2 có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị B1 số tiền nợ là 400.000.000 đồng và tiền lãi là 46.480.000 đồng, tổng cộng là 446.480.000 đồng (*Bốn trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*).

Thời gian thực hiện trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật;

Kể từ ngày bà Lê Thị B1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Lê Thị Thu B2 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Thu B2 phải chịu 21.859.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thủy Uyên